| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HÀM THUẬN BẮC**<br>**TỈNH BÌNH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Trâm phúc** |

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2018.
v/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Tâm.
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Ông Thông Văn Đá.
2/ Ông Ngô Đình Bảo Thiện.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương Trinh – Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1990 (có mặt)
2. *Bị đơn:* Anh Trần Hữu S, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 08/3/2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng P trình bày:* Chị và anh Trần Hữu S cưới nhau vào năm 2013 đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện. Vợ chồng sống với nhau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S cờ bạc, chơi số đề, rượu chè, làm không đưa tiền cho chị, khi chị sinh con được 02 tháng anh S đã bỏ đi theo người phụ nữ khác, hiện nay anh và người phụ nữ ấy đang sống cùng nhau. Vợ chồng không còn sống chung và quan hệ tình cảm từ tháng 3/2014 đến nay. Trong thời gian không sống chung thì vợ chồng cũng không có liên lạc với nhau để bàn bạc hàn gắn hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của chị là yêu cầu xin được ly hôn với anh Trần Hữu S.

- Về con chung: Vợ chồng có con chung tên Trần Nguyễn Đăng K, sinh ngày 08/01/2014.

Hiện nay con đang sống cùng chị P. Khi ly hôn, chị P xin được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh Trần Hữu S cấp dưỡng nuôi con vì chị đủ khả năng tự nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, do anh Trần Hữu S vắng mặt nên yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà anh Trần Hữu S để tống đạt các văn bản tố tụng, anh S cố tình lẩn tránh, vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tụng tố tụng như ghi lời khai, lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải nên Tòa xét xử vắng mặt đối với anh S theo qui định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Trần Hữu S. Bị đơn có địa chỉ và sinh sống ở xã L, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*2. Về tố tụng:* Xét bị đơn anh Trần Hữu S đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt 02 lần tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Hữu S.

*3. Về nội dung:*

*+ Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Trần Hữu S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2014, quyển số 01/2014 ngày 06/01/2014 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này chị P khai ra nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do do anh S cờ bạc, chơi số đề, rượu chè, làm không đưa tiền cho chị, khi chị sinh con được 02 tháng anh S đã bỏ đi theo người phụ nữ khác, hiện nay anh và người phụ nữ ấy đang sống cùng nhau. Vợ chồng không còn sống chung và quan hệ tình cảm từ tháng 3/2014 đến nay. Trong thời gian không sống chung thì vợ chồng cũng không có liên lạc với nhau để bàn

bạc hàn gắn hạnh phúc. Xét mâu thuẫn của chị P và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thể hiện qua việc anh S không có ý kiến khi chị P xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Chứng tỏ, anh S không có thiện chí hòa giải tình cảm để hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị P, mâu thuẫn vợ chồng của anh, chị không được cải thiện, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, anh S đã tự khước từ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên căn cứ vào Khoản 1, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh S. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nguyễn Đăng K, sinh ngày 08/01/2014. Hiện nay con đang ở với chị P.

Khi ly hôn chị P yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Trần Nguyễn Đăng K, sinh ngày 08/01/2014. Xét thấy, cháu K từ khi sinh ra đến nay chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng và trong thời gian qua chị P nuôi dưỡng con tốt, nên yêu cầu nuôi con của chị P được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị P xác định không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Về tài sản: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*4. Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Hồng P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Anh Trần Hữu S không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 01 Điều 28, Điểm a Khoản 01 Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 143, Điều 144, Điều 145, Điều 146, Điều 147, Khoản 1, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

**1.** Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Trần Hữu S.

**2.** Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Đăng K, sinh ngày 08/01/2014 cho chị Nguyễn Thị Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Hữu S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Hữu S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản và nợ: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**4.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị P đã nộp đủ 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0015017 ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận, nên không phải nộp nữa.

Anh Trần Hữu S không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hồng P là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (ngày 27/7/2018).

Riêng anh Trần Hữu S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện H.
- Thi hành án dân sự huyện H.
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

**Nguyễn Thị Tâm**